

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 23/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông: ALăng Ping.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Tơ Ngô Vui; Ông: Dương Văn Thạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà: Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông: Tạ Ngôn Ngộ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai, lưu động và rút kinh nghiệm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 01 tháng 05 năm 1970; tại: xã T, tỉnh Q (huyện T, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT tại thôn T, xã T, tỉnh Q (thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Q cũ); Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Thôn P, xã B, thành phố Đ (Thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân P (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1947; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo có vợ tên là Mai Thị C, sinh năm 1975 và có 04 (bốn) con (con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2006); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18 tháng 9 năm 2024. (Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Q; cơ quan thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Châu Ngọc V; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Zơ Râm T; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ (Văn bản số 03/CV-UBND ngày 11/7/2025 về việc cử cán bộ tham gia tố tụng). (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Văn H, sinh năm 1973; (Có mặt)

2/ Ông: Phan Văn T, sinh năm 2002; (Có mặt)

3/ Bà: Đinh Thị H, sinh năm 1984; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Bà: Đinh Thị X, sinh năm 2005; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều cùng trú tại thôn P, xã B, thành phố Đ (thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q cũ).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho ông Phan Văn Hải:* Ông: Nguyễn Trí Bảy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người báo tin, tố giác về tội phạm:*

1/ Ông: A Lãng B, sinh năm 1996; Trú tại thôn P, xã B, thành phố Đ (thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q cũ). (Vắng mặt)

2/ Ông: Đinh Văn X, sinh năm 1990; Trú tại Tổ dân phố T, xã T, thành phố Đ (Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Q cũ). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2023, bị can Nguyễn Văn L được đối tượng Nguyễn Văn T (Sinh năm: 1987, trú tại: thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q) xuống nhà thuê đi cưa hạ cây gỗ Nghiến trong rừng (hướng phía sau nhà của Thiện) với tiền công được Thiện hứa trả là 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*) trong một ngày, nghe vậy L đồng ý. Sáng hôm sau T cùng với L điều khiển xe mô tô (không rõ đặc điểm, BKS) đi lên Km29 đường Hồ Chí Minh, thuộc thôn Pà Dá, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, lúc này T dừng xe và vào nhà của mình ở bên phải đường theo hướng Nam Giang – Phước Sơn còn L thì ở ngoài. Một lúc sau thì T ra ngoài và cầm cưa máy cùng can xăng, can dầu nhớt bỏ vào ba lô của T, còn cơm, đồ ăn, bánh, nước uống... T đưa cho L cầm để bỏ vào ba lô của L. Sau đó T điều khiển xe mô tô trên chạy ra phía sau nhà men theo đường mòn. Đi được một đoạn khoảng 3km thì đến bìa rừng. Tại đây T để xe máy ở rẫy keo rồi cả hai cùng vào rừng. Đi một đoạn băng qua suối đến tại vị trí tọa độ X: 505800; Y: 1725130, Khoảnh 5, Tiểu Khu 329 thì phát hiện có 01 (một) cây gỗ Nghiến có đường kính gốc là 150cm (*một trăm năm mươi centimet*), cao (chiều dài thân cây) khoảng 06m (*sáu mét*), cây thẳng ít cành nhánh (qua khám nghiệm hiện trường gốc cây này được ký hiệu “G01/LN”). T cùng với L thống nhất và cùng nhau thực hiện hành vi cưa hạ cây gỗ này. T là người cầm cưa máy xăng cắt hạ đầu tiên. Sau đó, T đưa lại cho L cưa tiếp cho đến khi cây ngã xuống rồi nghỉ. Khi cây đã đổ xuống đất L tiếp tục cắt ra thành nhiều lóng (đoạn) và chọn lóng đẹp cắt được khoảng 05 đến 07 cục để làm thớt, mỗi cục như vậy có thể cắt ra được khoảng 04 đến 05 tấm thớt, mỗi thớt L cắt có độ dày khoảng 04cm (*bốn centimet*) đến 05cm (*năm centimet*). Sau khi cắt xong đến chiều thì L cùng với T đi về. Hai ngày sau Nguyễn Văn T tiếp tục xuống nhà L và chở L vào khu rừng phía sau nhà của T rồi dẫn L đi qua bên kia suối tới vị trí cắt cây đầu tiên, rồi đi lên phía trên đồi cao. Đi khoảng 100m thì phát hiện có một cây gỗ Nghiến có đường kính gốc khoảng 140cm (*khoảng một trăm bốn mươi centimet*), cao khoảng 07m (*bảy mét*) chia ra nhiều cành, nhánh thì dừng lại. Tại đây L lấy cưa máy ra và đổ xăng, nhớt rồi thực hiện hành vi cắt hạ, còn T là người phụ giúp việc phát dọn cây nhỏ và dây leo xung quanh. Sau khi hạ xong thì do cây bị

bộng (rỗng ruột) nên T và L không cắt thành từng khúc mà để nguyên cây tại vị trí của gốc cây Nghiến đã hạ rồi cả hai cùng về (cây gỗ này chưa xác định được vị trí).

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với đối tượng Phan Văn T (SN: 2002, trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q) thì Thành khai nhận trong thời gian cuối năm 2023 có đối tượng Nguyễn Văn L1 (SN: 2000; trú: xóm H, xã Tây T, huyện Y, tỉnh N) là em ruột của Nguyễn Văn T có thuê Phan Văn T vận chuyển gỗ Nghiến dạng thót từ trong rừng ra (từ Khoảnh 5, Tiểu khu 329) và trả tiền công mỗi chuyến là: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Thành đã rủ bố mẹ ruột của mình là ông Phan Văn H (SN: 1973) và bà Đinh Thị (SN: 1974); đều cùng trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q) cùng vận chuyển các tấm thót nêu trên theo yêu cầu của L1. Tổng số tiền mà L1 phải trả cho Phan Văn T và bố mẹ T là: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã đưa đối tượng Phan Văn T xác định vị trí gốc cây mà đối tượng L1 chỉ số gỗ để vận chuyển và trùng khớp với cây mà đối tượng Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cắt hạ trước đây (gốc cây ký hiệu số G01/LN).

Quá trình giải quyết tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã thu thập tài liệu bằng cách khám nghiệm hiện trường và đo được tổng khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là: 10,253m³ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*). Đối tượng Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ việc thực hiện hành vi cắt hạ cây gỗ Nghiến.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 721/CNR-VP ngày 13/9/2024 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng – Viện KHLN Việt Nam thì xác định được Gốc cây gỗ ký hiệu G01/LN, tại vị trí tọa độ X: 505800; Y: 1725130, Khoảnh 5, Tiểu Khu 329 mà bị can Nguyễn Văn L cùng đối tượng Nguyễn Văn T khai thác trái phép là loài Nghiến, có tên khoa học là “*Burretiodendron tonkinensis*”, thuộc nhóm IIA “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Bản Kết luận định giá số 14/KL – HĐĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá trong TTHS huyện Nam Giang kết luận:

+ Giá trị cây gỗ Nghiến, trong hồ sơ không cung cấp được khối lượng của cả cây gỗ và các kích thước cần thiết để xác định rõ cây gỗ, do đó Hội đồng không xác định được giá trị cây gỗ Nghiến nêu trên.

+ Hội đồng xác định giá trị của 31 lóng gỗ của 01 cây gỗ Nghiến còn lại tại hiện trường là 59.713.000đ (*Năm mươi chín triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*).

Tại Công văn số 02/CV-HĐĐGTS ngày 10/4/2025 của Hội đồng định giá trong TTHS huyện Nam Giang về việc xác định thiệt hại về môi trường có ý kiến như sau:

- Xác định giá trị môi trường rừng bị thiệt hại phải điều tra, thu thập đầy đủ thông tin về trữ lượng lâm sản (*Diện tích, trữ lượng gỗ, củi và lâm sản ngoài gỗ, thu thập theo tiêu chuẩn, quy định của pháp luật hiện hành*) của diện tích rừng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, do số lượng gỗ bị cưa hạ 01 cây, thời gian cưa hạ vào cuối năm 2023 đến khi phát hiện vụ án thì không còn dấu vết về diện tích,

sản lượng gỗ đầy đủ, củi và lâm sản ngoài gỗ bị thiệt hại, không có đủ thông tin làm cơ sở xác định giá trị môi trường rừng bị thiệt hại.

- Qua rà soát các quy định hiện hành, đến nay chưa có văn bản quy định và hướng dẫn xác định giá trị môi trường rừng bị thiệt hại của cây rở rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Do đó, Hội đồng định giá trong TTHS huyện Nam Giang không thể xác định được giá trị môi trường rừng bị thiệt hại của cây rở rừng theo yêu cầu định giá của Cơ quan CSĐT.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSNG ngày 14/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (nay VKSND khu vực 11-Đà Nẵng) truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo Điểm d Khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND khu vực 11-Đà Nẵng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã giữ nguyên quan điểm nội dung bản cáo trạng truy tố. Qua xem xét tính chất của vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX): Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 232; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của BLHS tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và xử phạt bị cáo tù 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 20.000.000 đồng. Truy thu số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ đối tượng Nguyễn Văn Thiện để sung vào ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 90 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đối với số gỗ Nghiến còn lại tại hiện trường, có tổng khối lượng 10,253m³ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*) giao cho Ủy ban nhân xã B, thành phố Đ quản lý và xử lý.

Đại diện nguyên đơn dân sự: Thống nhất với báo cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau: Hành vi của bị cáo khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến, rồi cưa thành các khúc để làm thốt, tại hiện trường còn lại 31 (*ba mươi mốt*) lóng gỗ, có tổng khối lượng là 10,253m³ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*), có giá trị theo kết luận định giá là 59.713.000đ (*Năm mươi chín triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*). Hiện nay toàn bộ số gỗ trên vẫn còn nguyên tại hiện trường (trong rừng sâu), qua thời gian bị mục nát, giá trị giảm sút rất nhiều, Ủy ban nhân dân xã không có nhân lực, phương tiện, kinh phí để vận chuyển ra khỏi rừng để xử lý thu hồi tài sản cho Nhà nước. Đại diện Ủy ban nhân dân nhận thấy bị cáo chỉ tham gia khai thác với vai trò người thực hành tích cực, không phải là người chủ mưu cầm đầu nên chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo phân trách nhiệm của bị cáo với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), số tiền còn lại khi nào Cơ quan điều tra bắt và xử lý các đối tượng khác thì sẽ yêu cầu bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn H thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm

sát viên về mức độ tham gia, trách nhiệm liên quan đến vụ án của ông Phan Văn H. Không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa gì, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, thống nhất chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chủ quản lý rừng là Ủy ban nhân dân xã B số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H và bà Đinh Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, bà H và bà X đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của bà H và bà X không ảnh hưởng đến việc xét xử. Nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] Xét về tội danh và định khung hình phạt: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. HĐXX xác định được:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Văn L là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo L biết rõ bản thân bị cáo và đối tượng Nguyễn Văn T không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác gỗ, biết rõ Nhà nước nghiêm cấm việc khai thác gỗ trái phép, nhưng vì cần có việc làm, thu nhập, bị cáo đã bất chấp pháp luật, nhận làm thuê và tích cực phối hợp thực hiện cùng với đối tượng Nguyễn Văn T đến vị trí tọa độ X: 505800; Y: 1725130, Khoảnh 5, Tiểu khu 329, thuộc khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Bến Giằng, thành phố Đà Nẵng) quản lý, thực hiện hành vi cưa hạ 01 cây gỗ Nghiến thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ, có đường kính gốc là 150cm (*Một trăm năm mươi centimet*), sau khi cây ngã xuống, bị cáo L cùng đối tượng T tiến hành cắt thành nhiều lóng, rồi cưa ra thành các khúc để làm thót. Qua công tác khám

nghiệm hiện trường thì xác định tại hiện trường còn lại 31 (*Ba mươi mốt*) lóng gỗ, có tổng khối lượng là 10,253m³ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*), có giá trị theo kết luận định giá là 59.713.000đ (*Năm mươi chín triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*).

[2.2] Căn cứ vào hành vi của bị cáo đã thực hiện, căn cứ Bản kết luận giám định của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng - Viện KHLN Việt Nam, các Bản kết luận định giá, Công văn của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Nam Giang, đối chiếu với quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 232 của BLHS; HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo Điểm d Khoản 2 Điều 232 của BLHS như Bản cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, động cơ, mục đích, vai trò của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét về tính chất: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về rừng và lâm sản, tác động ảnh hưởng đến môi trường sinh thái chung của xã hội, gây bức xúc cho nhân dân địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với mức độ, vai trò của bị cáo để răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

[3.2] Động cơ, mục đích, vai trò thực hiện hành vi của bị cáo: Do không hiểu biết pháp luật, suy nghĩ đơn giản, nhận làm thuê kiếm đồng tiền mưu sinh. Bị cáo và đối tượng Nguyễn Văn T thực hiện hành vi với hình thức đồng phạm giản đơn, bị cáo không phải là người khởi xướng, chủ mưu, mà chỉ là người thực hành tích cực.

[3.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; mặc dù điều kiện kinh tế hiện nay của bị cáo khó khăn nhưng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng y*), so với hậu quả thiệt hại thì số tiền khắc phục của bị cáo là ít, nhưng so với điều kiện kinh tế và thu nhập của bị cáo như vậy là cũng đã rất cố gắng, thể hiện sự ăn năn hối cải và ý thức sửa chữa lỗi lầm của bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s Khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo cũng đã lớn tuổi, thường xuyên đau ốm, bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ và nhận thức xã hội, pháp luật có hạn chế, Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt; đây là các tình tiết giảm nhẹ khác cho bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 BLHS, nên đủ điều kiện áp dụng thêm Khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp và thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về chăm lo cho gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 232 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] HĐXX xét thấy, hành vi của bị cáo khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến, rồi cưa thành các khúc để làm thớt, tại hiện trường còn lại 31 (*ba mươi một*) lóng gỗ, có tổng khối lượng là $10,253\text{m}^3$ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*), có giá trị theo kết luận định giá là 59.713.000đ (*Năm mươi chín triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*). Hiện nay toàn bộ số gỗ trên vẫn còn nguyên tại hiện trường (trong rừng sâu), qua thời gian bị mục nát, giá trị giảm sút rất nhiều, Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã không có nhân lực, phương tiện, kinh phí để vận chuyển ra khỏi rừng. Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn dân sự nhận thấy, bị cáo chỉ tham gia khai thác với vai trò người thực hành tích cực, không phải là người chủ mưu, cầm đầu nên chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo phần trách nhiệm của bị cáo với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự.

[5.2] Căn cứ các Điều 48 BLHS; Điều 584, 585 và 587 Bộ luật dân sự, xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn dân sự là đúng thực tế và có cơ sở để chấp nhận. Bị cáo tự nguyện thống nhất theo yêu cầu bồi thường của Nguyên đơn dân sự. Sự thống nhất thỏa thuận này đúng pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận về vấn đề yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng y*). Vậy, bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho Ủy ban nhân dân xã Bến Giằng là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng y*).

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 90 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. HĐXX xét thấy:

- Đối với 31 (*Ba mươi một*) lóng gỗ, có tổng khối lượng là $10,253\text{m}^3$ (*Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối*), còn tại hiện trường Khoảnh 5, Tiểu khu 329, khu vực rừng phòng hộ thuộc Ủy ban nhân dân xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Bến Giằng, thành phố Đà Nẵng) quản lý, nên tịch thu và giao cho Ủy ban nhân dân xã Bến Giằng xử lý.

- Đối với 01 (*một*) đĩa DVD chứa nội dung ghi âm, ghi hình về việc hỏi cung bị can tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án tại Tòa án.

[7] Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng y*) mà bị cáo đã nhận từ đối tượng Nguyễn Văn T đây là số tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu sung vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

[8] Xét về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn H đều thống nhất với cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về vấn đề liên quan quyền lợi của ông H và không có tranh luận gì thêm; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Vấn đề khác:

[9.1] Về hành vi của đối tượng Nguyễn Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị các công cụ, phương tiện và thuê bị cáo L cưa hạ, xẻ gỗ ra từng lóng, miếng thớt và đối tượng Nguyễn Văn L1 thuê ông Phan Văn H, ông Phan Văn T và Đinh Thị H vận chuyển các miếng thớt gỗ Nghiến. Các đối tượng T và L1 đã bỏ

trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, truy tìm nhưng chưa có thông tin, lai lịch của T và L, từ đó cũng chưa xác định rõ, cụ thể mức độ tham gia của ông Phan Văn H, ông Phan Văn T và Đinh Thị H, nên Cơ quan điều tra có Quyết định số 2809/QĐ-CSKT ngày 14/4/2025 tách hành vi, tài liệu các đối tượng nêu trên để điều tra và xử lý bằng một vụ án khác nhằm tránh bỏ lọt hành vi, tội phạm là đúng quy định.

[9.2] Đối với Ủy ban nhân dân xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Bến Giằng, thành phố Đà Nẵng), Kiểm lâm viên địa bàn là tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ như ban hành các kế hoạch, phương án thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ rừng hằng năm; ban hành các quyết định thành lập Đội tuần tra, truy quét, chốt chặn, bảo vệ để tiến hành kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về rừng và lâm sản. Viện kiểm sát không đề cập trách nhiệm nên HDXX không xem xét.

[9.3] Đối với 01 cây gỗ Nghiến theo bị cáo khai do bị cáo và đối tượng Nguyễn Văn T cưa hạ bị rỗng ruột, không xác định được vị trí, khối lượng Cơ quan điều tra và VKSND không có cơ sở đề nghị xử lý, nên HDXX không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 232; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của BLHS. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 18/9/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Luyện trong thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 23/7/2025) để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 587 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ về vấn đề yêu cầu bồi thường; bị cáo Nguyễn Văn L chịu trách nhiệm phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng y). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã nộp khắc phục số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng y). Vậy, bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng y).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, thì hằng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tương

ưng còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 90 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu và giao cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ xử lý đối với 31 (ba mươi mốt) lóng gỗ Nghiến, có tổng khối lượng là 10,253m³ (Mười phẩy hai trăm năm mươi ba mét khối) còn tại hiện trường Khoảnh 5, Tiểu khu 329, khu vực rừng phòng hộ thuộc quản lý Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Q (nay là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ). (Vật chứng đã được giao cho cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Q (nay là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ) theo Biên bản ngày 17/8/2024).

- Đối với 01 (một) đĩa DVD chứa nội dung ghi âm, ghi hình về việc hỏi cung bị can tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

4. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng y) của bị cáo Nguyễn Văn L để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng y) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Đà Nẵng (PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ALăng Ping

